

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

(HOÀN THIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH TỔNG DỰ TOÁN SỐ: 912/QĐ-UBND NGÀY 08/09/2025
CỦA BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP)

DỰ ÁN: HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÔN

PHƯỜNG HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM XD: BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH NINH BÌNH

TỰ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI K&K

C.TY TNHH XD&TM K&K



ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lương Đức Long

TẬP I: THUYẾT MINH + BÀN VỀ ĐIỀU CHỈNH

THUYẾT MINH ĐIỀU CHỈNH BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Công trình: Hoàn thiện hệ thống thoát nước Thị trấn Thiên Tôn
Địa điểm XD: Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

I - CÁC CĂN CỨ LẬP BẢO CAO:

1. Căn cứ pháp lý:
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Đầu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
 - Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà thầu;
 - Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
 - Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HBND ngày 23 /12/2021 của HBND huyện Hoa Lư về việc phê duyệt dự toán, phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022;
 - Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND huyện Hoa Lư về việc phê duyệt Bảo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Hoàn thiện hệ thống thoát nước Thị trấn Thiên Tôn;
 - Căn cứ Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 13/06/2025 của UBND thành phố Hoa Lư về việc phê duyệt Bảo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước Thị trấn Thiên Tôn

THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: Hoàn thiện hệ thống thoát nước Thị trấn Thiên Tôn.
- Địa điểm xây dựng: Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.
- Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND thành phố Hoa Lư.
- Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Hoa Lư.
- Tổ chức tư vấn lập hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH xây dựng và thương mại K&K

6. Loại, cấp công trình:
- Nhóm dự án nhóm C
 - Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2025-2026.
8. Các thông tin khác:
- a) Tiêu chuẩn áp dụng cho thiết kế

TT	Tên tiêu chuẩn	I	II
		TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG TRONG KHẢO SÁT	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG TRONG TÁC THIẾT KẾ
	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình	96 TCN 43-90	
	Quy trình khảo sát đường ô tô	22 TCN 263 - 2000	
	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS31:2020/TCB&VN	
	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012	
II		TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG TRONG TÁC THIẾT KẾ	
	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005	
	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCB&VN	
	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018	
	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006	
	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314:2003	
	Kết cấu gạch đá – Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCVN 4085:2011	
	Ông BTCT thoát nước	TCVN 9113:2012	
	Thiết kế kết cấu cầu gạch đá, gạch đá cốt thép	TCVN 5573:2011	

II - MỨC TIÊU XÂY DỰNG

Dự án Hoàn thiện hệ thống thoát nước Thị trấn Thiên Tôn nhằm xử lý triệt để tác nhân cũng như ngập úng vào mùa mưa và chính trang hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu dân cư được đồng bộ đảm bảo giao thông đi lại thuận lợi cho nhân dân trong phường.

III - ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

IV - CÁC GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

- Căn cứ Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 13/06/2025 của UBND thành phố Hoa Lư về việc phê duyệt Bảo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Hoàn thiện hệ thống thoát nước Thị trấn Thiên Tôn với các nội dung phê duyệt như sau:

- **Tuyến 1 - Tuyến kênh Lợi Hà:** Hạng mục kè: Gồm 02 đoạn: đoạn kè 1 có chiều dài $L=820.70\text{m}$ và đoạn kè 2 với chiều dài $L=428.30\text{m}$ với kết cấu như sau: Giăng đỉnh kè BTCT đá 1×2 mác 250 đổ tại chỗ, thân tường kè & móng tường kè xây đá hộc VXM mác 100, trát thân kè đá phía kênh VXM mác 100 dày 2cm, thân tường kè bố trí tầng lọc ngược $5,0\text{m/vị}$ trí đặt ống PVC D21, $L=1,0\text{m}$, đầu ống bịt vải địa kỹ thuật, đá 4×6 chèn đầu cọc dày 10cm, gia cố móng kè bằng cọc tre $L=2,0\text{m}$, mật độ 20 cọc/ m^2 .

- **Tuyến 2 - Tuyến rãnh sau khu dân cư đường Quốc lộ 1A:** Xây mới đoạn rãnh thoát nước B800, $L= 603,90\text{m}$ với quy mô kết cấu như sau: Giăng dọc rãnh BTCT đá 1×2 mác 250 đổ tại chỗ, Tấm đan BTCT kích thước $1,0\times 1,0\times 0,1\text{m}$ đúc sẵn đá 1×2 mác 250. Thân tường bằng gạch không nung VXM mác 75, dày 22cm, trát tường trong rãnh bằng VXM mác 75 dày 1.5cm. Móng rãnh bằng bê tông đổ tại chỗ đá 2×4 mác 150 trên lớp đá 4×6 đệm đầu cọc; Móng rãnh gia cố bằng cọc tre loại A dài 2.0m, mật độ 16 cọc/m.

- Bố trí 02 tấm bản qua kênh KT $1,24\times 5,0\times 0,15\text{m}$: Tấm bản bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1×2 mác 250# dày 15cm;

- Trên tuyến bổ sung một số vị trí cửa tiêu thoát nước bằng rãnh xây B500 bố trí hèm phai: Giăng đỉnh rãnh BTCT đá 1×2 mác 250 đổ tại chỗ, thân tường bằng gạch không nung VXM mác 75 dày 22cm, trát tường bằng VXM mác 75 dày 1,5cm. Móng rãnh bằng bê tông đổ tại chỗ đá 2×4 mác 150 trên lớp đá 4×6 , móng rãnh gia cố bằng cọc tre loại A dài 2,0m, mật độ 16 cọc/m. Thân hèm phai xây bằng gạch không nung VXM mác 75, trát tường bằng VXM mác 75 dày 1,5cm, Móng hèm phai bằng bê tông đổ tại chỗ đá 2×4 mác 150 trên lớp đá 4×6 chèn đầu cọc dày 10cm; móng hèm phai gia cố bằng cọc tre loại A dài 2,0m, mật độ 16 cọc/m. Bố trí cánh phai tại các vị trí hèm phai: Cánh phai bê tông đúc sẵn đá 1×2 mác 250, xung quanh tấm đan được gia cường thêm các bản thép.

- Giàn van điều tiết nước: Khung giàn van BTCT đổ tại chỗ đá 1×2 mác 250#, cánh phai bằng BTCT có thép tấm, thép hình gia cường, hèm phai bằng BTXM đá 2×4 mác 150 đổ tại chỗ dày 20cm, đệm đá 4×6 chèn đầu cọc, móng gia cố bằng cọc tre loại A dài 2,0m, mật độ 16 cọc/m;

- **Tuyến 3 – Khu dân cư Núi Gai (phố Cầu Huyện):** Xây mới đoạn rãnh xây B600 $\text{Km}0+0.00$ đến $\text{Km}0+104.60$, chiều dài $L= 117.75\text{m}$ với quy mô kết cấu như sau: Tấm đan BTCT đúc sẵn đá 1×2 mác 250, giăng đỉnh rãnh BTCT đá 1×2 mác 250 đổ tại chỗ. Thân tường bằng gạch không nung VXM mác 75, dày 22cm, trát tường bằng VXM mác 75 dày 1.5cm, móng rãnh bằng bê tông đổ tại chỗ đá 2×4 mác 150 trên lớp đá 4×6 dày 10cm.

- **Tuyến 4 - Tuyến đường Đào Cam Mộc:**

Đoạn 1: Xây dựng tuyến đường BTXM với chiều dài tuyến $L=45.37\text{m}$ với bề rộng mặt đường từ 3,5m – 5,0m, độ dốc ngang đường $i_m = 2\%$. Cao độ thiết kế tim đường phù hợp với hiện trạng hạ tầng xung quanh, cao độ tim đường thiết kế được vượt nổi êm thuận với đường BTXM hiện trạng. Kết cấu mặt đường từ trên xuống dưới như sau: BTXM M250 đá 2×4 dày 16cm; Lớp giấy dầu ngăn cách; CPDD loại I dày 14 cm; Nền đường lu lèn đại đạt độ chặt K95. Phần lề gia cố bằng BTXM đá 1×2 mác 150# dày 10cm, đắp nền bằng đất đá hỗn hợp đầm chặt K90. Xây mới đoạn rãnh B300 $\text{Km}0+0.00$ đến $\text{Km} 0+216.20$, $L= 216.52\text{m}$ với quy mô kết cấu như sau: Tấm đan BTCT đúc sẵn đá 1×2 mác 250, giăng đỉnh rãnh BTCT đá 1×2 mác 250 đổ tại chỗ. Thân tường bằng gạch không nung VXM mác 75, dày 22cm, trát tường bằng VXM mác 75 dày 1.5cm, móng rãnh bằng bê tông

đổ tại chỗ đá 2×4 mác 150 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Bố trí vị trí hồ ga: Tấm đan BTCT đúc sẵn đá 1×2 mác 250, giăng đỉnh rãnh BTCT đá 1×2 mác 250 đổ tại chỗ. Thân tường bằng gạch không nung VXM mác 75, dày 22cm. Trát tường bằng VXM mác 75 dày 1.5cm, móng rãnh bằng bê tông đổ tại chỗ đá 2×4 mác 150 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm;

-**Tuyến 5 – Tuyến rãnh giáp trường mầm non thị trấn Thiên Tôn:**

Xây mới đoạn rãnh xây B600 $\text{Km} 0+0.00$ đến $\text{Km} 0+105.45$, $L= 105.45\text{m}$ với quy mô kết cấu như sau: Tấm đan BTCT đúc sẵn đá 1×2 mác 250, giăng đỉnh rãnh BTCT đá 1×2 mác 250 đổ tại chỗ. Thân tường bằng gạch không nung VXM mác 75, dày 22cm. Móng rãnh bằng bê tông đổ tại chỗ đá 2×4 mác 150 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Trát tường bằng VXM mác 75 dày 1.5cm; Móng rãnh gia cố bằng cọc tre loại A dài 2,0m, mật độ 16 cọc/m;

Giàn van điều tiết nước: Khung giàn van BTCT đổ tại chỗ đá 1×2 mác 200#, cánh phai bằng BTCT có thép tấm, thép hình gia cường, hèm phai bằng BTXM đá 2×4 mác 150 đổ tại chỗ dày 20cm, đệm đá 4×6 chèn đầu cọc, móng gia cố bằng cọc tre loại A dài 2,0m, mật độ 16 cọc/m;

V – GIẢI PHÁP THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH

Giữ nguyên quy mô và giải pháp thiết kế theo quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 13/06/2025 của UBND thành phố Hoa Lư về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án. Phần khối lượng điều chỉnh: Cắt giảm chiều dài và khối lượng đường công vụ cho phù hợp với thực tế hiện trường: Cắt giảm chiều dài tổng chiều dài $L= 162.78\text{m}$ đường công vụ phục vụ thi công tường kè đá hộc trong đó chiều dài đường công vụ đoạn 1 kênh Lợi Hà cắt giảm $L=110.94\text{m}$ từ $\text{Km}0+622.04$ đến $\text{Km}0+732.99$ và $L= 51.84\text{m}$ từ $\text{Km}0+376.53$ đến $\text{Km}0+428.37$ của đoạn 2 kênh Lợi Hà phù hợp với hiện trạng và thi công kè đá hộc.

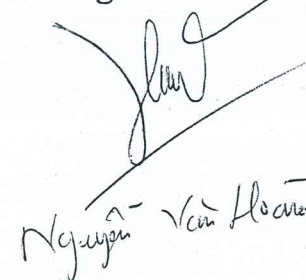
VI - KINH PHÍ ĐẦU TƯ

(Cụ thể xem tập: Dự toán xây dựng công trình – Điều chỉnh, bổ sung)

VII - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Với các nội dung điều chỉnh trên, Hoàn thiện hệ thống thoát nước Thị trấn Thiên Tôn nhằm xử lý triệt để tắc nghẽn cũng như ngập úng vào mùa mưa và chỉnh trang hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu dân cư được đồng bộ đảm bảo giao thông đi lại thuận lợi cho nhân dân trong thị trấn. Vì vậy rất mong chính quyền các cấp quan tâm để dự án sớm được hoàn thiện để đi vào hoạt động.

Người viết


Nguyễn Văn Hoàng

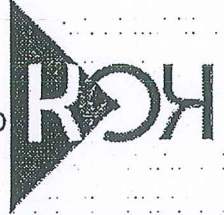
**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI KGK**



GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Kiểm

**MẶT BẰNG - TRẮC DỤC - TRẠC NGANG THIẾT KẾ
ĐOÀN 1**



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KGK
EMAIL: KGK.CO.LTD@GMAIL.COM
TEL: 0938.983.000

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: HOÀN THIÊN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÒN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯU - TỈNH NINH BÌNH

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN KIỂM
CHỦ TRÍ THIẾT KẾ	KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
KIỂM TRA	KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
THẺ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

TRANG SỐ: ...	BẢN VẼ SỐ: ...
LẦN XUẤT BẢN: ...	TỶ LỆ BẰNG: ...
MẶT BẰNG THIẾT KẾ KẾ ĐOẠN 1 (01/05)	

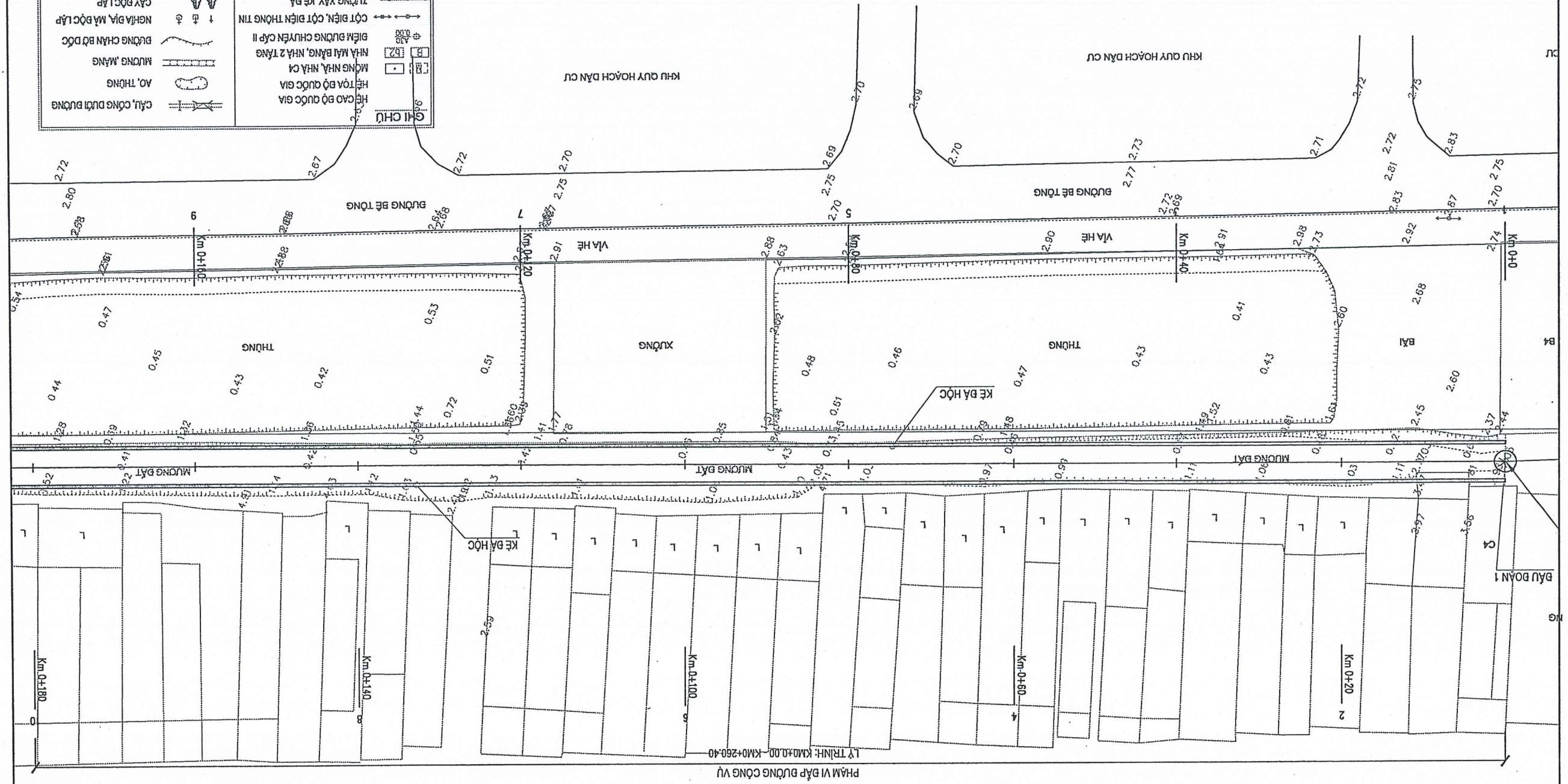


CHỈ CHU

- HỆ CAO ĐỘ QUỐC GIA
- HỆ TỌA ĐỘ QUỐC GIA
- MỎNG NHÀ, NHÀ C4
- NHÀ MẠI BẢNG, NHÀ 2 TẦNG
- DIỆN BƯỜNG CHUYÊN CẤP II
- CỘT ĐIỆN, CỘT ĐIỆN THÔNG TIN
- TƯỜNG XÂY, KẾ DÀ
- TRẠM BIẾN THÉ TREO
- BIÊN BẢO

CHỈ CHU

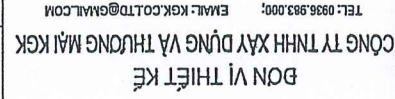
- CÁI, CÔNG DƯỚI BƯỜNG
- AO, THƯỜNG
- MƯỜNG, MƯỜNG
- BƯỜNG CHÂN BỜ ĐỐC
- NGHĨA ĐUA, MÀ ĐỐC LẤP
- CÂY ĐỐC LẤP
- RƯỜNG LƯA
- CỘT ĐÈN, ĐÈN TÍN HIỆU



ĐI HẠ NỘI

ĐI HẠ NỘI

ĐI HẠ NỘI

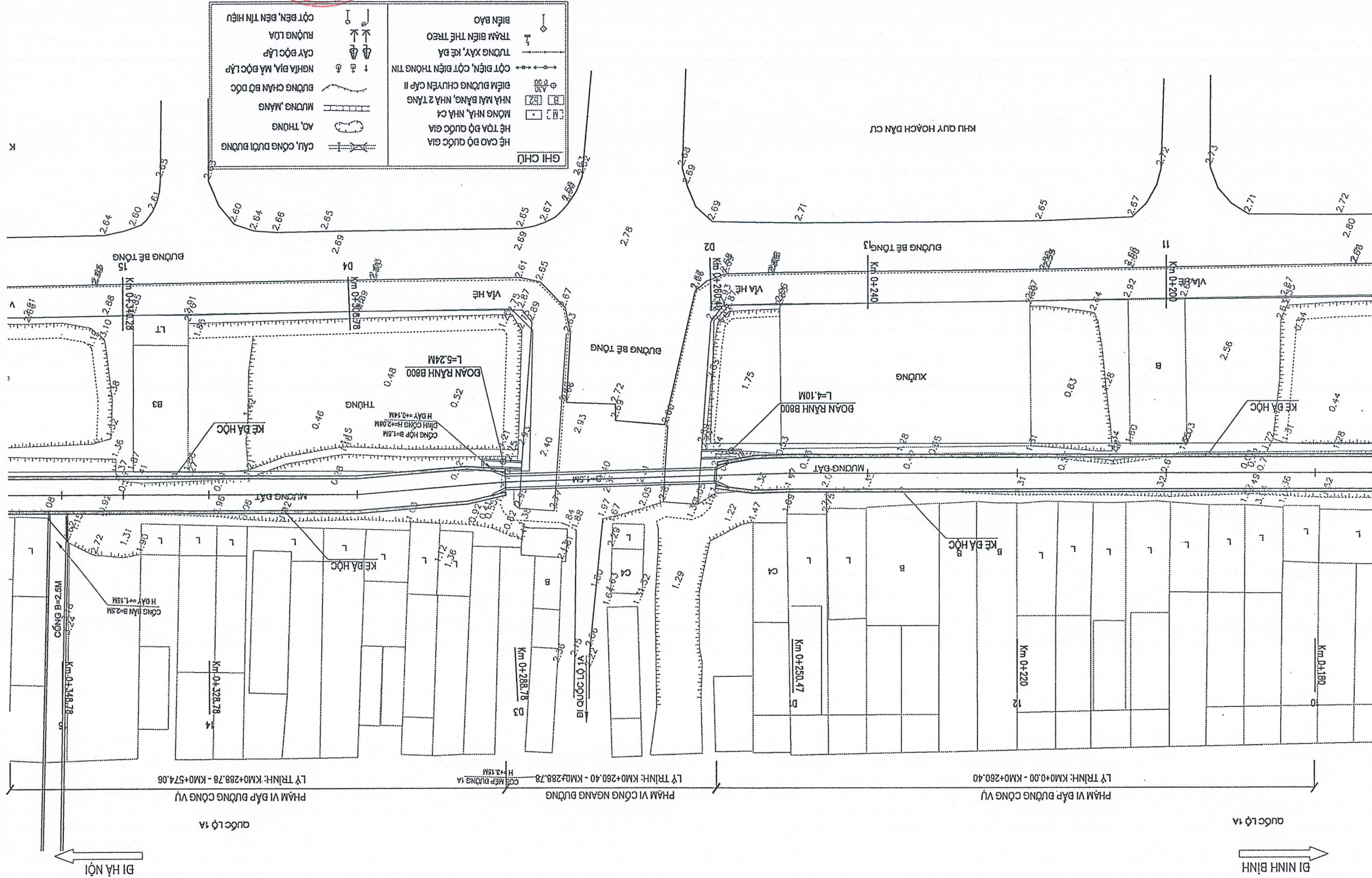


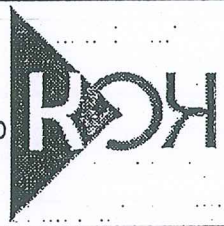
BIỆU CHỈNH - BỔ SUNG

CÔNG TRÌNH: HOÀN THIÊN HỆ THỐNG THUẬT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÔN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯU - TỈNH NHÌN BÌNH

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG	THÀNH VIÊN
KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	TRƯỞNG BAN
KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	THÀNH VIÊN
KS. NGUYỄN VĂN KIỂM	THÀNH VIÊN

MẬT BẢNG THIẾT KẾ KẾ ĐOÀN 1	
(02/05)	
TỶ LỆ B.V:	LẦN XUẤT BẢN:.....
BẢN VẼ SỐ:.....	TRANG SỐ:.....





CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI K&C
TEL: 0936.983.000; EMAIL: K&C.CO.LTD@GMAIL.COM

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: HOÀN THIÊN HỆ THỐNG THOAÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÒN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯ - TỈNH NINH BÌNH

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN KIỂM
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
KIỂM TRA	KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
THẺ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

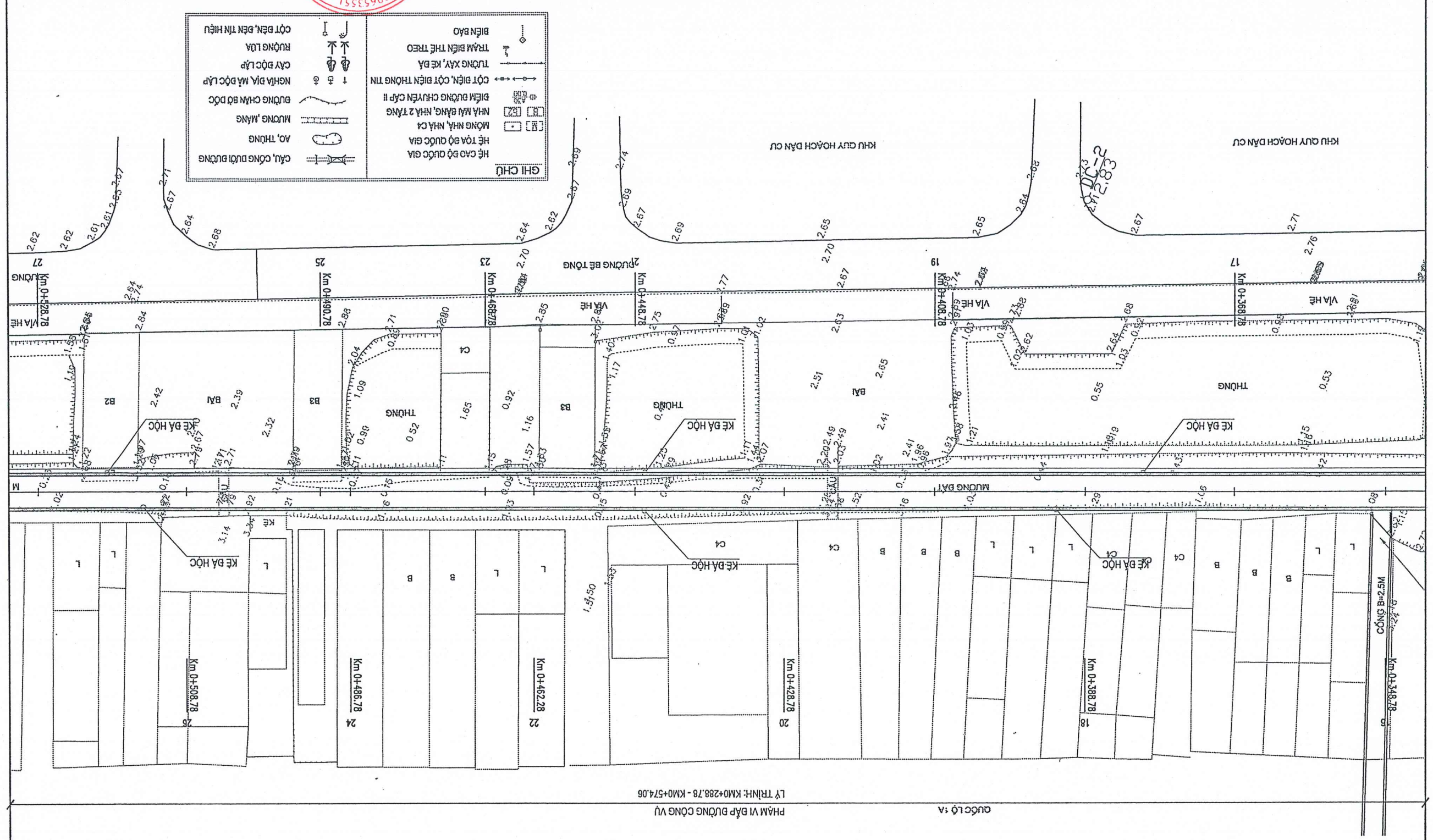
TRANG SỐ: ...	BẢN VẼ SỐ: ...	KS. NGUYỄN VĂN KIỂM
LÀN XUẤT BẢN: ...	TỶ LỆ B.V: ...	KS. NGUYỄN VĂN KIỂM

GHI CHÚ

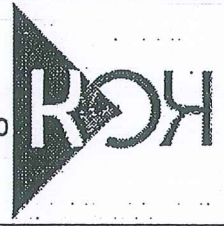
- HỆ CAO BỘ QUỐC GIA
- HỆ TỌA BỘ QUỐC GIA
- MÔNG NHÀ, NHÀ C4
- NHÀ MẶT BẰNG, NHÀ 2 TẦNG
- ĐIỂM BƯỜNG CHUYÊN CẤP II
- CỘT ĐIỆN, CỘT ĐIỆN THÔNG TIN
- TƯỜNG XÂY, KÈ BÀ
- TRÀM ĐIỆN THẾ TẠO
- BIÊN BẢO

LEGEND:

- CÁI, CỘT DƯỚI BƯỜNG
- AO, THƯỜNG
- MƯỜNG, MƯỜNG
- BƯỜNG CHÂN BỜ ĐỐC
- NGHĨA ĐỊA MẶT ĐỐC LẬP
- CÂY ĐỐC LẬP
- RƯỜNG LƯA
- CỘT BÊN, BÊN TÍN HIỆU



QUỐC LỘ 1A
PHẠM VI ĐẬP BƯỜNG CÔNG VỤ
LÝ TRÌNH: KM0+288.78 - KM0+574.06



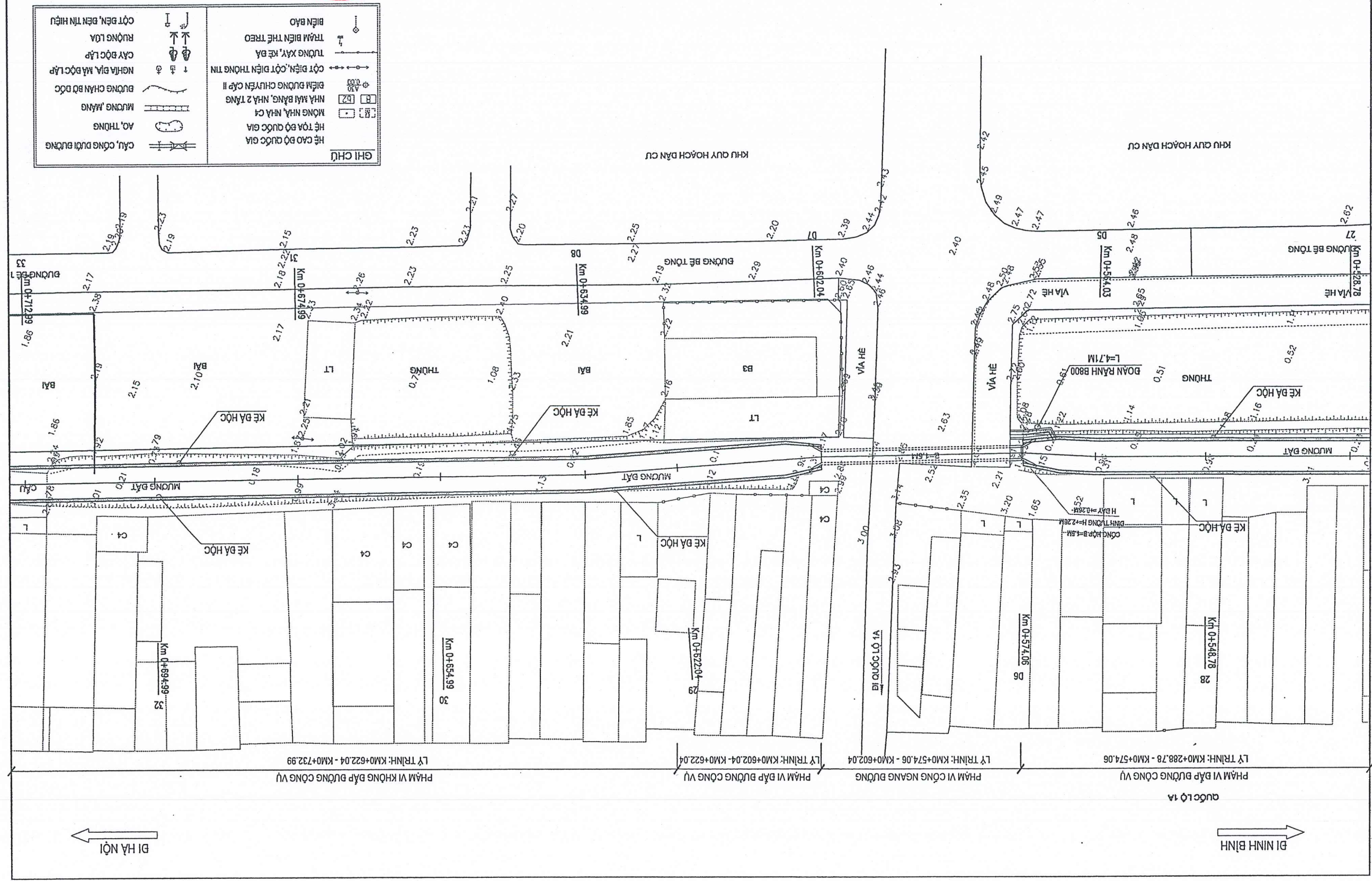
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI K&A
TEL: 0936.983.000; EMAIL: K&A.CO.LTD@GMAIL.COM

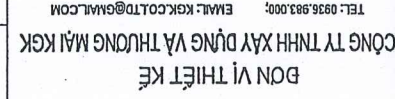
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: HOÀN THIÊN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÔN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯU - TỈNH NINH BÌNH

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN KIỂM
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
KIỂM TRA	KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
THẺ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

THẺ KIỂM	KS. NGUYỄN VĂN KIỂM
THẺ KIỂM	KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
THẺ KIỂM	KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG
THẺ KIỂM	KS. NGUYỄN VĂN KIỂM

TRANG SỐ:	BẢN VẼ SỐ: 1
LÀM XUẤT BẢN:	TỶ LỆ B/V: 1/500
MẶT BẰNG THIẾT KẾ KẾ ĐOẠN 1 (04/05)	





CÔNG TRÌNH: HOÀN THIẾT HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÔN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG CÔNG HOA LƯU - TỈNH BÌNH ĐỊNH

TRA

TRUTH

KS. PHAN THI PHUONG THA

KS. PHAN THI PHUONG THA

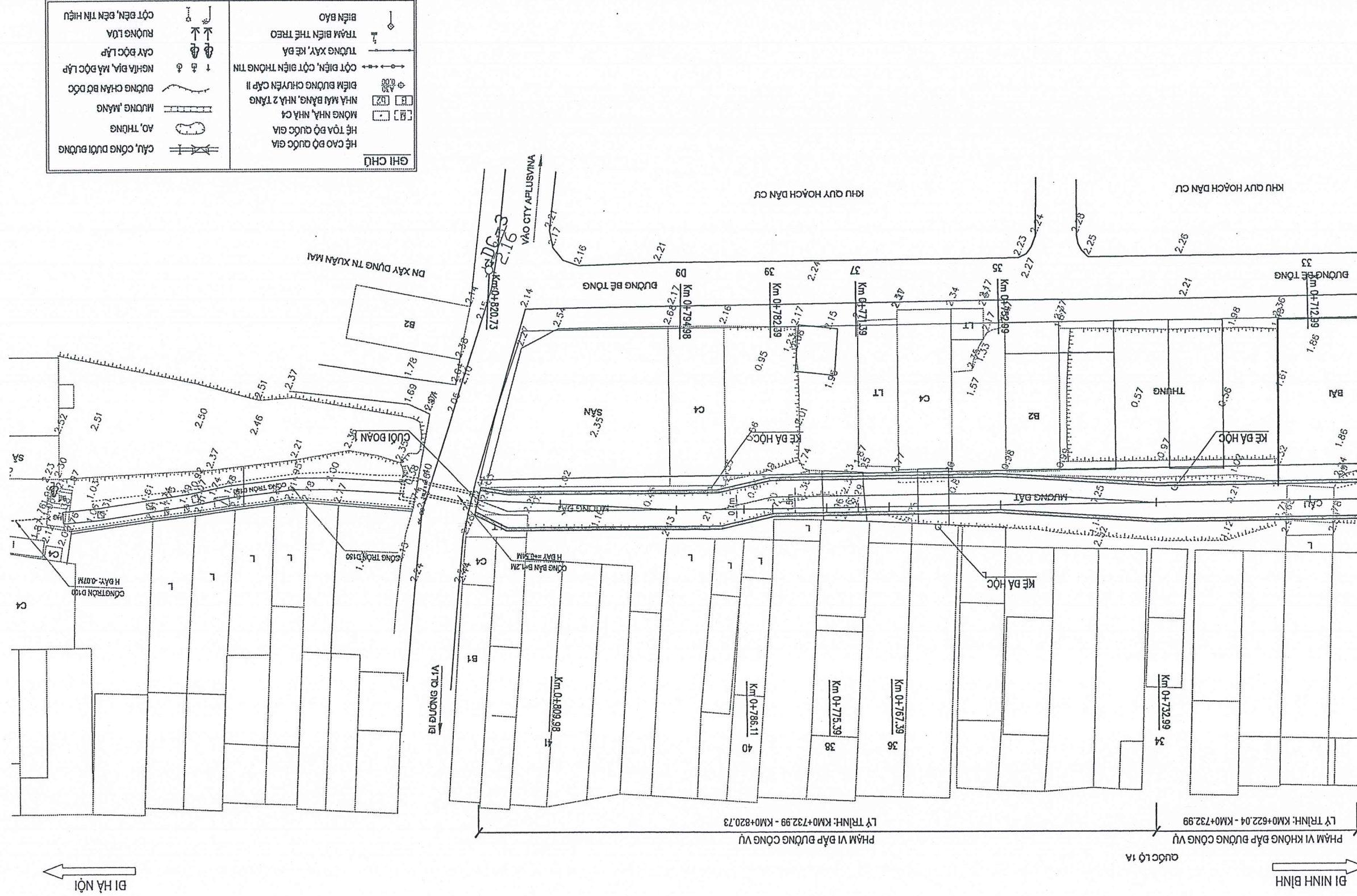
KS. NGUYỄN VĂN KIỂM

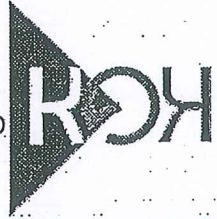
28

TYPE BV:

TRA

MẶT BẰNG THIẾT KẾ KẾ ĐOÀN 1
(05/05)





ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KGK
TEL: 0936.983.006; EMAIL: KGK.CO.LTD@GMAIL.COM

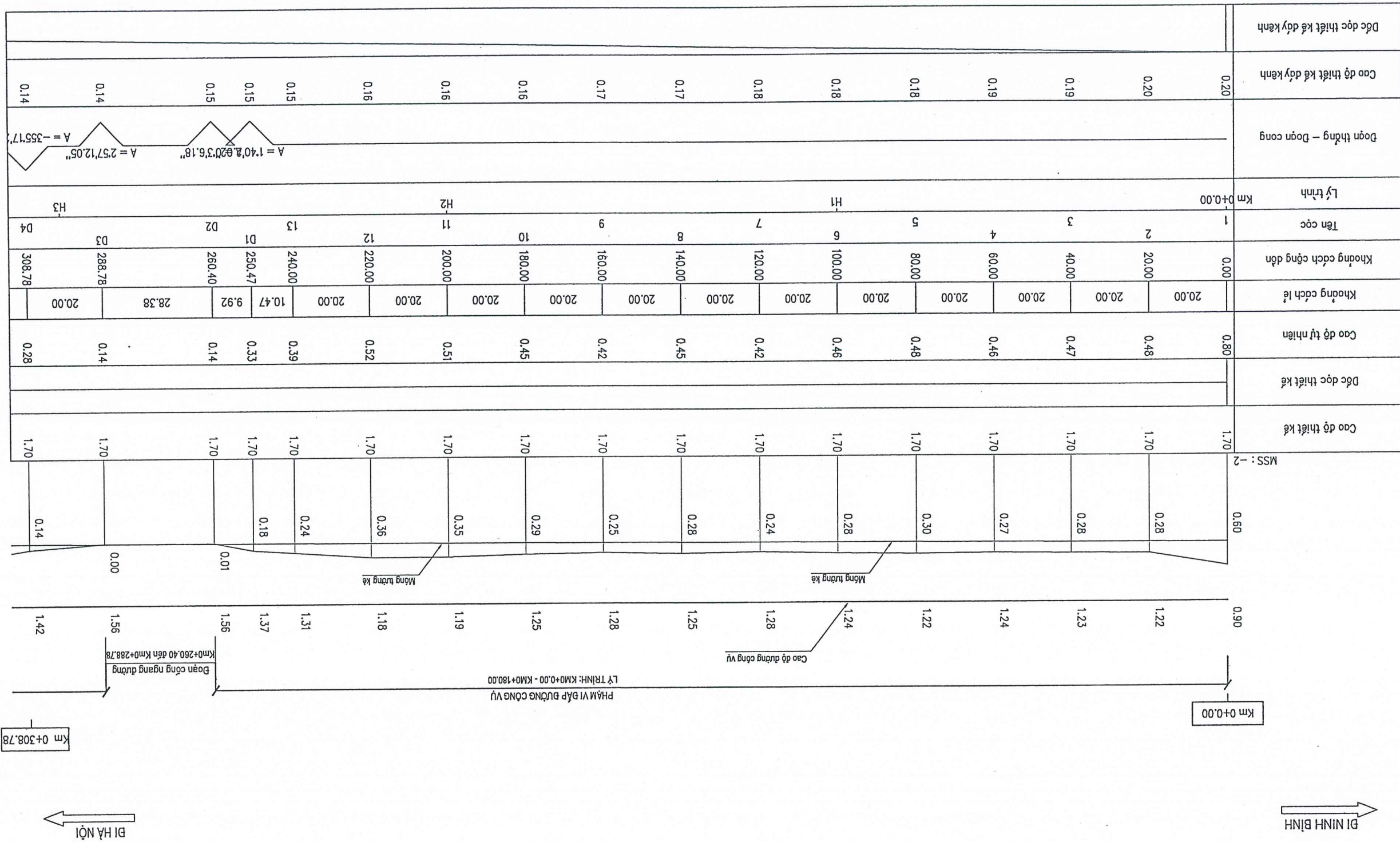
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

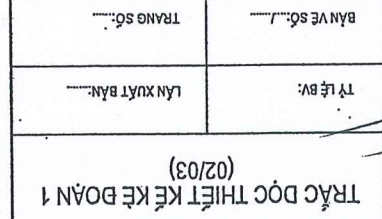
CÔNG TRÌNH: HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÔN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯU - TỈNH NINH BÌNH

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG

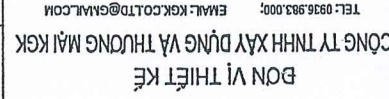
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN KIỂM
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
KIỂM TRA	KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

TRÁCH DỤC THIẾT KẾ ĐOẠN 1 (01/03)	TRÁNG SỐ.....
TỶ LỆ B.V:	BẢN VẼ SỐ.....





Cao độ thiết kế	Đặc dọc thiết kế	Cao độ tự nhiên	Khoảng cách lề	Khoảng cách cống dẫn	Tên cọc	Lý trình	Đoạn công – Đoạn cong	Cao độ thiết kế đáy kênh	Đặc dọc thiết kế đáy kênh
1.70	0.14	0.28	20.00	308.78	D4	H4	-355'17'21.24"	0.14	0.02%
1.70	0.46	0.59	11.50	328.78	14			0.13	
1.70	0.44	0.57	8.50	340.28	15			0.13	
1.70	0.35	0.48		348.78	16			0.13	
1.70	0.29	0.42	20.00	368.78	17			0.12	
1.70	0.32	0.44	20.00	388.78	18			0.12	
1.70	0.27	0.39	20.00	408.78	19			0.11	
1.70	0.31	0.42	20.00	428.78	20			0.11	
1.70	0.02	0.10	6.50	462.28	22			0.11	
1.70	0.32	0.42	4.00	486.78	24			0.10	
1.70	0.31	0.41	18.00	490.78	25			0.10	
1.70	0.08	0.18	20.00	508.78	26			0.10	
1.70	0.14	0.23	20.00	528.78	27			0.09	
1.70	0.12	0.21	15.26	548.78	28			0.09	
1.70	0.11	0.20	10.03	564.03	D5			0.09	
1.70	0.17	0.26		574.06	D6			0.09	
1.70	0.18	0.26	27.98	602.04	D7			0.08	
1.70	0.08	0.16	20.00	622.04	29			0.08	



CÔNG TRÌNH: HOÀN THIẾT HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÒN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯU - TỈNH BÌNH ĐỊNH

THẺ HIỆN

KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO

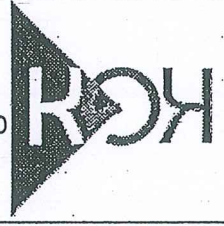
TR 4 BV:

.....LÀN XUẤT BẢN:.....

TRẮC DỌC TH

TRẠC DỘC THIẾT KẾ KỶ ĐOÀN 1

DI HẠ NỘI



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI K&C
TEL: 0936.983.000; EMAIL: K&C.CO.LTD@GMAIL.COM

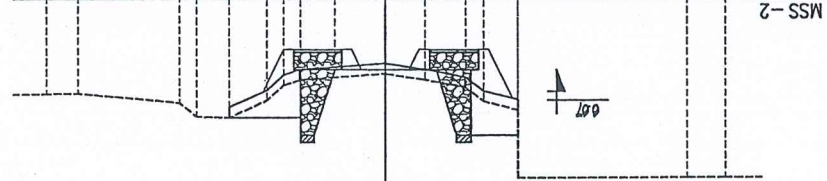
HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÔN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯU - TỈNH NINH BÌNH

THỂ HIỆN
KIỂM TRA
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG
KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
KS. NGUYỄN VĂN KIỂM

TRẠC NGANG THIẾT KẾ KẾ ĐOÀN 1
DIỀU CHỈNH - BỔ SUNG
(1/2)
TỶ LỆ B.V.
BẢN VẼ SỐ: 1
TRANG SỐ: 1

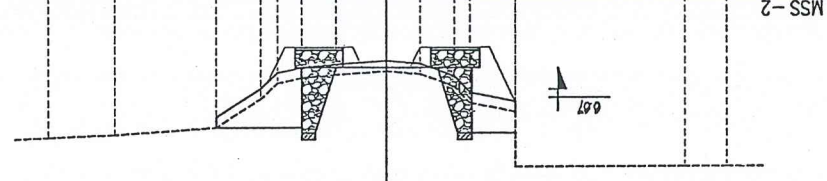
Cao độ thiết kế	
Khoảng cách lề thiết kế	
Cao độ tự nhiên	3.20
Khoảng cách mìa	1.15



S.đào KTH hố móng: 0.00 m2
S.đào nền DCV: 0.00 m2
S.đắp nền DCV: 0.00 m2
S.đắp hố móng: 3.55 m2
S.đắp hoàn trả: 5.53 m2

Cọc 30
Km 0 + 654.99

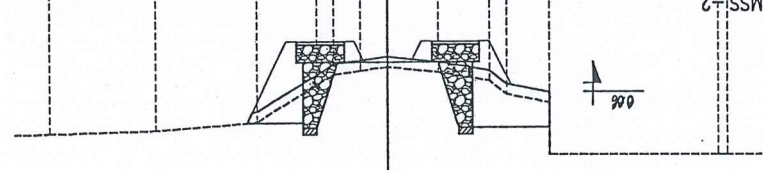
Cao độ thiết kế	
Khoảng cách lề thiết kế	
Cao độ tự nhiên	2.96
Khoảng cách mìa	1.26



S.đào KTH hố móng: 0.00 m2
S.đào nền DCV: 0.00 m2
S.đắp nền DCV: 0.00 m2
S.đắp hố móng: 3.86 m2
S.đắp hoàn trả: 6.36 m2

Cọc D8
Km 0 + 634.99

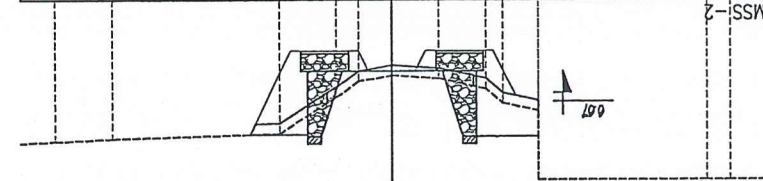
Cao độ thiết kế	
Khoảng cách lề thiết kế	
Cao độ tự nhiên	2.75
Khoảng cách mìa	1.22



S.đào KTH hố móng: 0.00 m2
S.đào nền DCV: 0.00 m2
S.đắp nền DCV: 0.00 m2
S.đắp hố móng: 4.5 m2
S.đắp hoàn trả: 6.69 m2

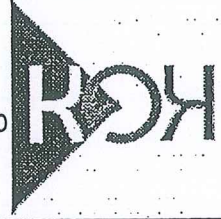
Cọc 32
Km 0 + 694.99

Cao độ thiết kế	
Khoảng cách lề thiết kế	
Cao độ tự nhiên	3.22
Khoảng cách mìa	0.70



S.đào KTH hố móng: 2.53 m2
S.đào nền DCV: 0.00 m2
S.đắp nền DCV: 0.00 m2
S.đắp hố móng: 5.43 m2
S.đắp hoàn trả: 6.37 m2

Cọc 31
Km 0 + 674.99



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI K&K
TEL: 0936.983.000; EMAIL: K&K.CO.LTD@GMAIL.COM

HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÔN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯ - TỈNH NINH BÌNH

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG

THỂ HIỆN

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

KIỂM TRA

KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

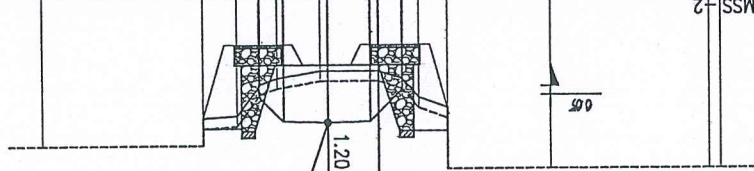
KS. NGUYỄN VĂN KIỂM

TRÁC NGANG THIẾT KẾ KẾ ĐOÀN 1

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG

(2/2)

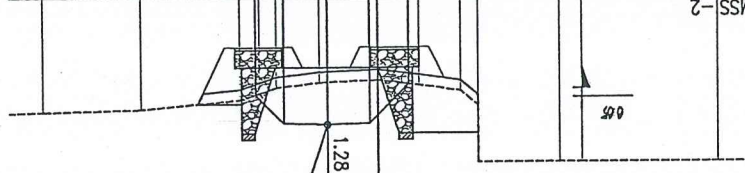
3.05	3.05	3.01	0.83	0.50	1.72	1.22	0.50	0.70	1.01	4.85
3.05	3.05	3.05	1.58	1.72	0.50	0.50	0.72	1.80	1.85	2.35
			0.93	1.25	0.72					
			0.74	1.66	1.70	1.66	0.94			



S.đào KTH hố móng: 1.24 m2
S.đào nền DCV: 0.00 m2
S.đắp nền DCV: 5.04 m2
S.đắp hoàn trở: 4.42 m2

Cốc 36
Km 0 + 767.39

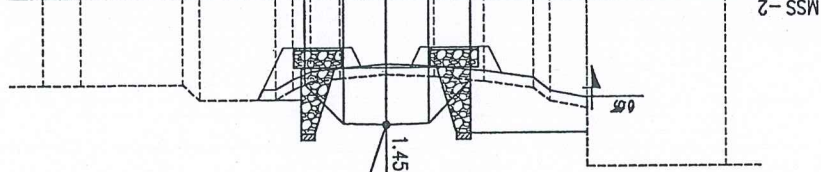
2.82	2.82	2.41	0.50	1.21	1.73	1.23	0.50	0.60	3.00	2.94
2.82	2.82	2.82	1.48	0.56	0.42	0.63	0.80	0.98	1.25	1.31
			0.52	1.14	1.25	1.25	0.83			
			0.52	1.66	1.70	1.66	0.84			



S.đào KTH hố móng: 1.34 m2
S.đào nền DCV: 0.00 m2
S.đắp nền DCV: 5.49 m2
S.đắp hoàn trở: 5.35 m2

Cốc 35
Km 0 + 752.99

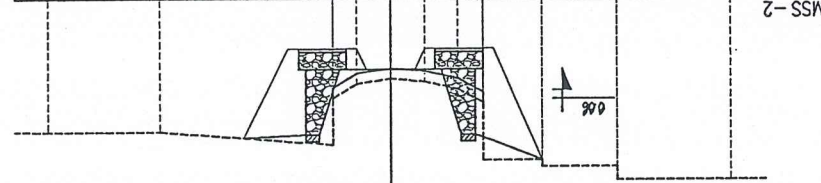
2.95	2.95	4.14	1.06	1.44	1.43	1.36	0.86	0.50	3.00	1.11
2.95	2.95	2.95	1.05	0.67	0.32	0.25	0.36	0.45	0.97	0.54
			1.24	1.25	1.25	1.14		0.97		
			0.42	1.56	1.70	1.56	0.53			



S.đào KTH hố móng: 1.40 m2
S.đào nền DCV: 0.00 m2
S.đắp nền DCV: 6.56 m2
S.đắp hoàn trở: 7.18 m2

Cốc 34
Km 0 + 732.99

3.30	3.41	2.17	1.72	0.70	1.00	1.00	0.70	5.00	3.30
3.30	3.30	2.90	1.90	0.63	0.42	0.33	0.48	0.98	1.85
			1.24	1.25	1.25	1.14			
			0.42	1.56	1.70	1.56	0.53		

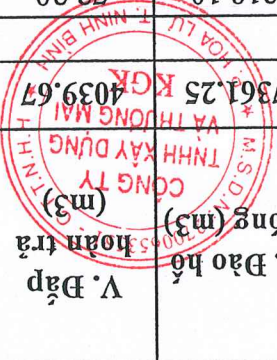


S.đào KTH hố móng: 1.31 m2
S.đào nền DCV: 0.00 m2
S.đắp nền DCV: 6.40 m2
S.đắp hoàn trở: 7.71 m2

Cốc 33
Km 0 + 712.99

BẢNG SƠ TOÁN KHỐI LƯỢNG ĐOÀN I
DỰ ÁN: HOÀN THIÊN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÔN
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: PHƯỜNG HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

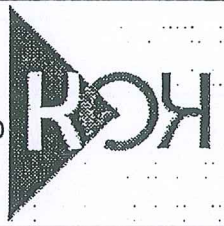
Tên cọc	Lý trình	Kc.lẻ	Diện tích										Khối lượng			
			S. Đào đất KTH đường công vụ (m2)	S. Đào nền đường công vụ (m2)	S. Đắp nền đường công vụ (m2)	S. Đắp KTH đường công vụ (m3)	V. Đào nền đường công vụ (m3)	V. Đắp nền đường công vụ (m3)	V. Đào đất KTH hố móng (m3)	V. Đắp đất KTH hố móng (m3)	V. Đắp hoàn trả (m3)					
1	KM0+00.00	20.00	1.06	0.00	2.88	0.83	12.20	3.12	23.70	0.00	80.50	18.50	218.10	72.20		
2	Km0+20	20.00	1.31	0.00	5.17	1.02	9.61	4.10	26.20	0.00	105.80	18.60	195.40	80.00		
3	Km0+40.00	20.00	1.31	0.00	5.41	0.84	9.93	3.90	26.50	0.00	110.00	16.90	198.90	80.40		
4	Km0+60.00	20.00	1.34	0.00	5.59	0.85	9.96	4.14	26.10	0.00	105.40	18.20	202.60	85.70		
5	Km0+80.00	20.00	1.27	0.00	4.95	0.97	10.30	4.43	26.40	0.00	105.60	17.80	199.20	116.60		
6	Km0+100.00	20.00	1.37	0.00	5.61	0.81	9.62	7.23	27.20	0.00	113.80	22.20	196.80	143.30		
7	Km0+120.00	20.00	1.35	0.00	5.77	1.41	10.06	7.10	27.10	0.00	113.60	20.40	205.10	124.80		
8	Km0+140.00	20.00	1.36	0.00	5.59	0.63	10.45	5.38	27.30	0.00	113.00	18.70	202.90	110.30		
9	Km0+160.00	20.00	1.37	0.00	5.71	1.24	9.84	5.65	27.30	0.00	110.80	23.80	201.60	105.40		
10	Km0+180.00	20.00	0.00	0.00	5.37	1.14	10.32	4.89	13.70	0.00	110.80	23.80	201.60	105.40		
11	Km0+200.00	20.00	1.27	0.00	5.03	1.03	10.93	5.21	25.80	0.00	101.80	19.90	214.10	105.90		
12	Km0+220.00	20.00	1.31	0.00	5.15	0.96	10.48	5.38	25.90	0.00	106.00	20.60	211.60	107.70		
13	Km0+240.00	20.00	1.28	0.00	5.45	1.10	10.68	5.39	25.90	0.00	106.00	20.60	211.60	107.70		
D1	Km0+250.47	10.47	1.27	0.00	5.57	0.33	12.48	4.91	13.35	0.00	57.69	7.49	121.24	53.92		
D2	Km0+260.39	9.92	0.00	0.00	0.00	0.00	9.06	4.13	6.30	0.00	27.63	1.64	106.84	44.84		
D3	Km0+288.77	28.38	0.00	0.00	0.00	0.00	8.61	3.85	14.70	0.00	65.40	14.90	179.60	108.00		
D4	Km0+308.77	20.00	1.47	0.00	6.54	1.49	9.35	6.95	14.70	0.00	65.40	14.90	179.60	108.00		



Tên cọc	Lý trình	Kc.lẻ	Diện tích												Khối lượng			
			S. Đào đất đường vù công vù (m2)	S. Đào nền đường vù công (m2)	S. Đắp nền đường vù công (m2)	S. Đào đất KTH hồ mông (m2)	S. Đào hồ mông (m2)	S. Đắp hoàn trả (m2)	V. Đào đất đường vù công vù (m3)	V. Đào nền đường vù công vù (m3)	V. Đắp nền đường vù công (m3)	V. Đào đất KTH hồ mông (m3)	V. Đào hồ mông (m3)	V. Đắp hoàn trả (m3)				
14	Km0+328.77	20.00	1.19	0.00	4.57	1.18	10.46	5.00	13.57	0.00	53.13	19.78	120.73	119.50				
15	Km0+340.27	11.50	1.17	0.00	4.67	2.26	10.54	8.79	10.71	0.00	43.22	14.83	85.64	88.70				
16	Km0+348.77	20.00	1.35	0.00	5.50	1.23	9.61	4.14					97.20	94.40				
17	Km0+368.77	20.00	1.32	0.00	5.56	1.32	9.80	5.58					194.10	191.10				
18	Km0+388.77	20.00	1.33	0.00	5.55	1.03	9.31	3.86					192.80	191.10				
19	Km0+408.77	20.00	1.34	0.00	5.76	0.94	9.97	5.01					208.20	192.80				
20	Km0+428.77	20.00	1.37	0.00	5.85	1.07	10.85	6.00					207.80	192.80				
21	Km0+448.77	20.00	1.20	0.00	4.94	1.18	9.93	4.54					207.80	192.80				
22	Km0+462.27	13.50	1.31	0.00	6.03	1.34	10.23	6.57					136.08	136.08				
23	Km0+468.77	6.50	1.45	0.00	7.37	0.86	9.37	5.24					63.70	63.70				
24	Km0+486.77	18.00	1.33	0.00	5.57	1.30	10.07	5.71					174.96	174.96				
25	Km0+490.77	4.00	1.19	0.00	4.78	1.15	9.67	5.03					39.48	39.48				
26	Km0+508.77	18.00	1.40	0.00	6.65	0.78	10.34	4.60					180.09	180.09				
27	Km0+528.77	20.00	1.38	0.00	6.23	0.96	10.13	4.95					204.70	204.70				
28	Km0+548.77	20.00	1.37	0.00	6.21	0.66	9.87	3.31					200.00	200.00				
D5	Km0+564.03	15.26	1.30	0.00	5.90	0.91	10.77	3.50					157.48	157.48				
D6	Km0+574.06	10.03	0.00	0.00	0.00	0.00	8.25	3.55					95.39	95.39				
D7	Km0+602.04	27.98	0.00	0.00	0.00	1.14	9.94	5.11					201.60	201.60				
29	Km0+622.04	20.00	1.42	0.00	6.59	0.90	10.22	5.72					108.30	108.30				

Tên cọc	Lý trình	Kc.lê	Diện tích										Khối lượng			
			S. Đào đất đường vù (m2)	S. Đào nền đường vù (m2)	S. Đắp nền đường vù (m2)	S. Đào đất KTH hồ móng (m2)	S. Đào hồ móng (m2)	S. Đắp hoàn trả (m2)	V. Đào đất đường vù (m3)	V. Đào nền đường vù (m3)	V. Đắp nền đường vù (m3)	V. Đào đất KTH hồ móng (m3)	V. Đào hồ móng (m3)	V. Đắp hoàn trả (m3)		
D8	Km0+634.98	0.00	0.00	0.00	0.00	2.63	3.86	6.36	0.00	0.00	0.00	34.03	49.95	82.30		
30	Km0+654.98	0.00	0.00	0.00	0.00	2.53	3.55	5.53	0.00	0.00	0.00	51.60	74.10	118.90		
31	Km0+674.98	0.00	0.00	0.00	0.00	2.53	5.43	6.37	0.00	0.00	0.00	50.60	89.80	119.00		
32	Km0+694.98	0.00	0.00	0.00	0.00	2.65	4.50	6.69	0.00	0.00	0.00	51.80	99.30	130.60		
33	Km0+712.98	0.00	0.00	0.00	0.00	1.31	11.00	6.40	0.00	0.00	0.00	26.20	220.00	128.00		
34	Km0+732.98	1.46	0.00	6.56	1.40	9.92	7.18		0.00	0.00						
35	Km0+752.98	1.34	0.00	5.49	1.11	10.14	5.35		0.00	0.00						
36	Km0+767.38	1.24	0.00	5.04	0.90	11.59	4.42		0.00	0.00						
37	Km0+771.38	0.85	0.00	1.95	1.37	13.58	4.65		0.00	0.00						
38	Km0+775.38	1.05	0.50	0.68	1.09	13.06	4.18		1.00	5.26	4.92	53.28	17.66			
39	Km0+782.38	1.04	0.00	3.37	1.21	11.61	3.84		0.00	15.23	4.48	42.07	15.83			
40	Km0+786.10	1.16	0.00	4.82	1.20	11.01	4.67		0.00	43.55	8.74	95.75	38.27			
D9	Km0+794.97	1.23	0.00	5.00	0.77	10.58	3.96		0.00	75.98	17.70	158.03	77.25			
41	Km0+809.97	1.26	0.00	5.13	1.59	10.49	6.34		0.00	46.60	11.93	127.28	68.80			
42	Km0+820.72	0.92	0.00	3.54	0.63	13.19	6.46		0.00	11.72						

**MẶT BẰNG - TRẠC DỤC - TRẠC NGANG THIẾT KẾ
ĐOÀN 2**



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI K&K
TEL: 0935.993.000; EMAIL: K&K.COLTD@GMAIL.COM

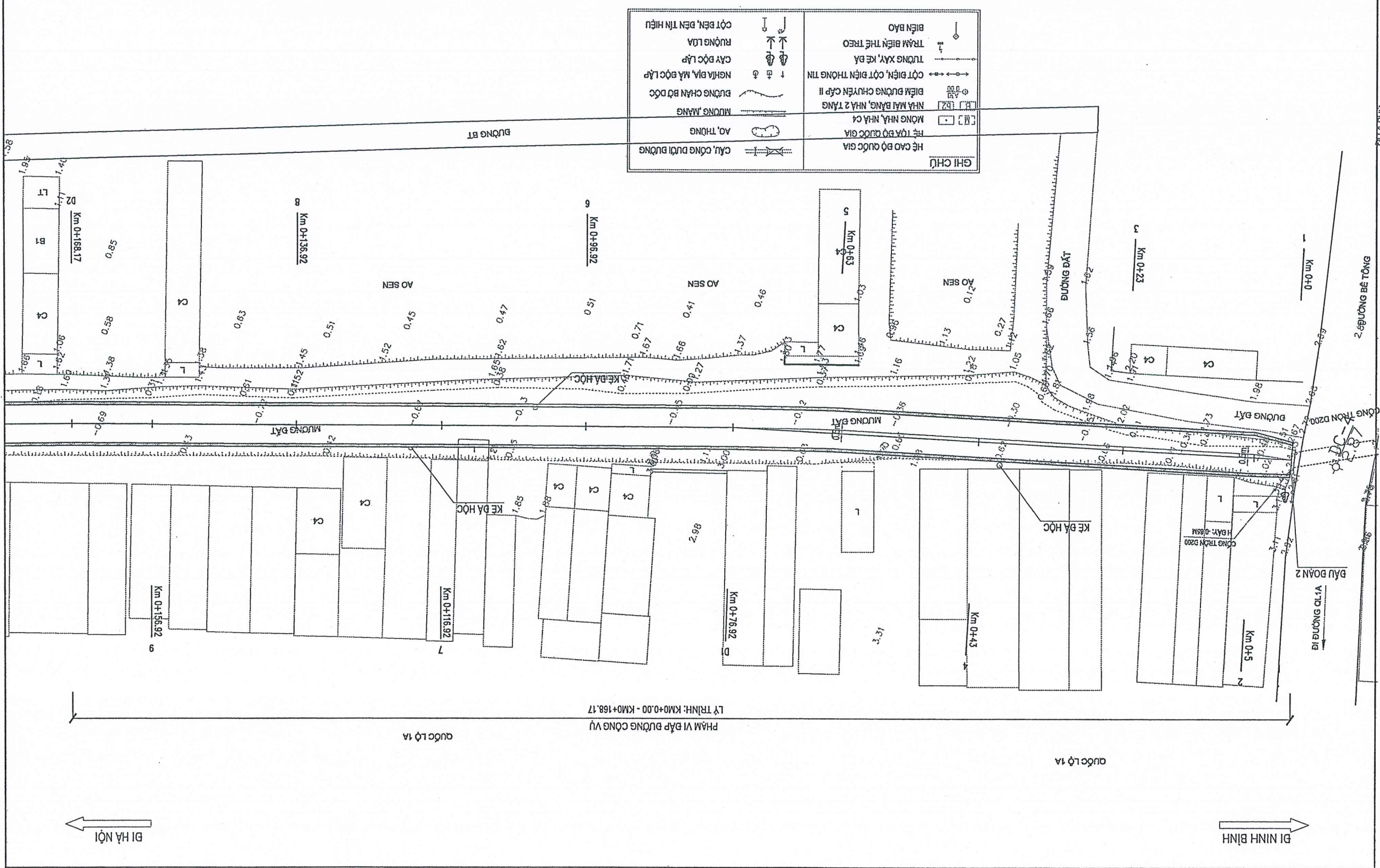
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

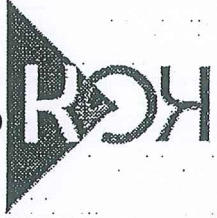
CÔNG TRÌNH: HOÀN THIÊN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÒN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯ - TỈNH NINH BÌNH

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN KIỂM
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
KIỂM TRA	KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
THẺ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI K&K
NINH BÌNH, NGÀY THÁNG NĂM 2025
KS. NGUYỄN VĂN KIỂM

MẶT BẰNG THIẾT KẾ KẾ ĐOẠN 2
(01/03)
TỶ LỆ B/V: _____
LÀN XUẤT BẢN: _____
TRANG SỐ: _____





CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI K&C
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

TEL: 0936.983.000; EMAIL: K&C.CO.LTD@GMAIL.COM

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG

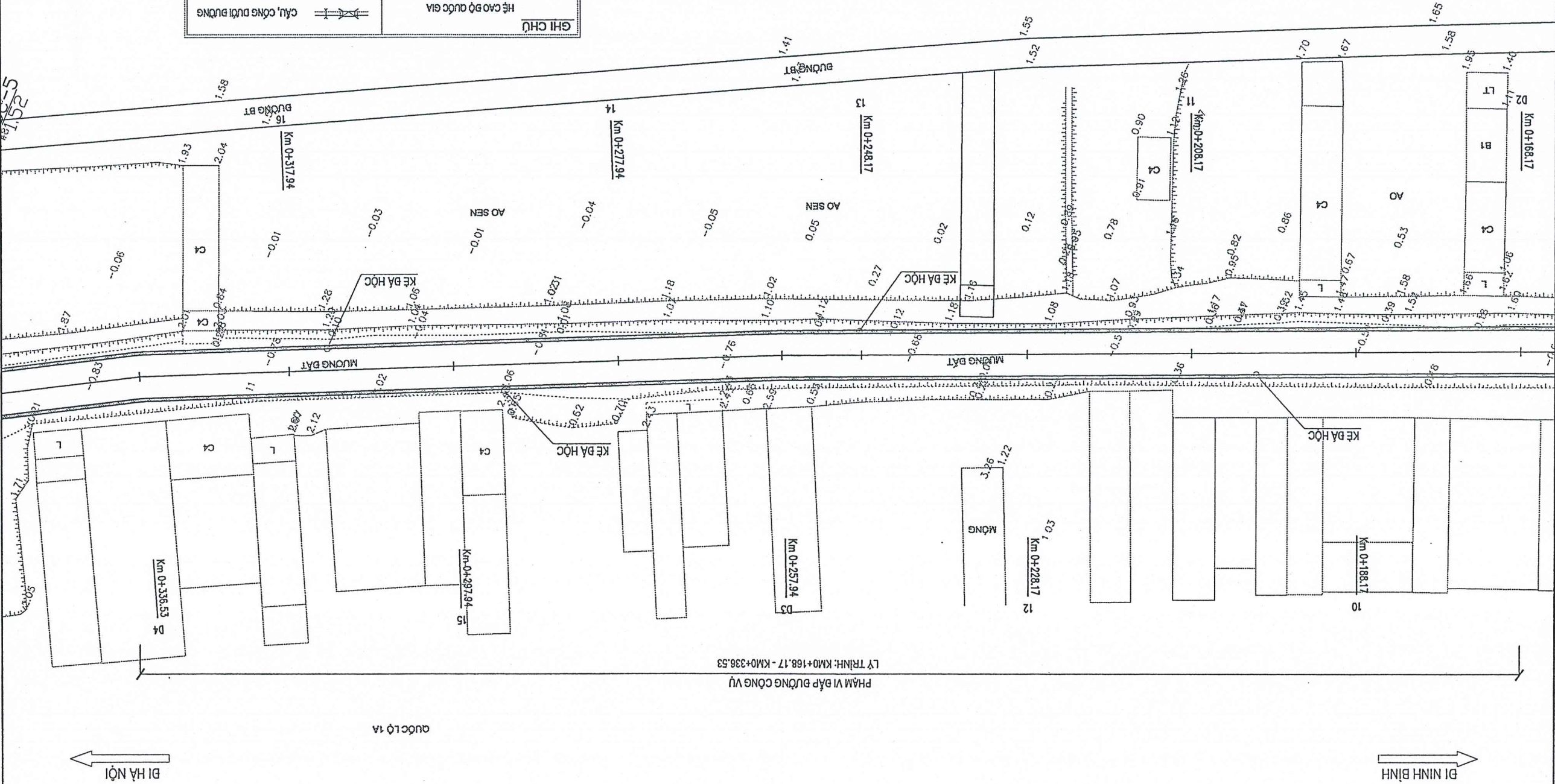
CÔNG TRÌNH: HOÀN THIÊN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÔN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯU - TỈNH NINH BÌNH

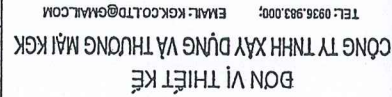
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN VĂN KIỂM
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
KIỂM TRA: KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
THẺ HIỆN: KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

KS. NGUYỄN VĂN KIỂM
BẢN VẼ SỐ: 1
TRANG SỐ: 1

MẶT BẰNG THIẾT KẾ KẾ ĐOÀN 2
(02/03)
TỶ LỆ BẰNG: 1/500
LẦN XUẤT BẢN: 1

GHI CHÚ	
	HỆ CAO BỘ QUỐC GIA
	HỆ TỌA BỘ QUỐC GIA
	MŨNG NHÀ, NHÀ CỎ
	NHÀ MÃI BÀNG, NHÀ 2 TẦNG
	ĐIỂM ĐƯỜNG CHUYỂN CẤP II
	CỘT ĐIỆN, CỘT ĐIỆN THÔNG TIN
	TƯỜNG XÂY, KẾ ĐÀ
	TRẠM BIẾN THỂ TREO
	BIÊN BẢO
	CÁI CỎ
	AO, THƯỜNG
	MƯỜNG MÀNG
	ĐƯỜNG CHÂN BỜ ĐỐC
	NGHĨA ĐỊA, MÃ ĐỐC LẬP
	CÂY ĐỐC LẬP
	RUỘNG LƯA
	CỘT ĐÈN, ĐÈN TÍN HIỆU





CÔNG TRÌNH: HOÀN THIÊN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÒN
ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯU - TỈNH BÌNH ĐỊNH

NỘI

KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO

KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO

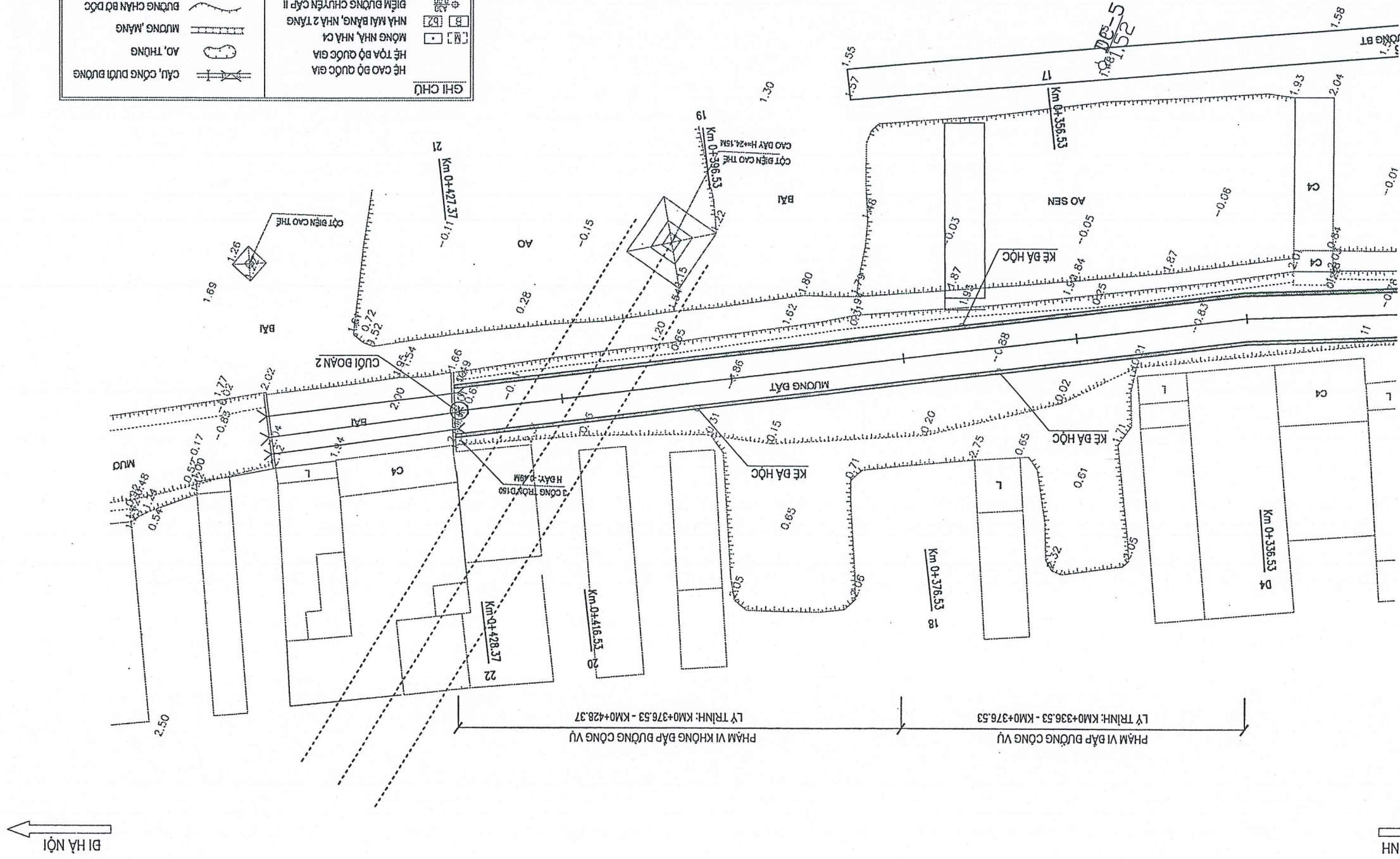
KS. NGUYỄN VĂN KIỂM

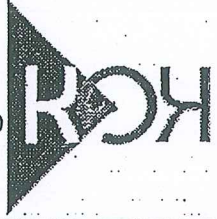
KS NGUYỄN VĂN KIEM

≡ BV:

LÀN XUẤT BẢN:.....

MẶT BẰNG THIẾT KẾ KẾ ĐOÀN 2
(03/03)





CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KGK
TEL: 0936.983.000; EMAIL: KGK.CO.LTD@GMAIL.COM

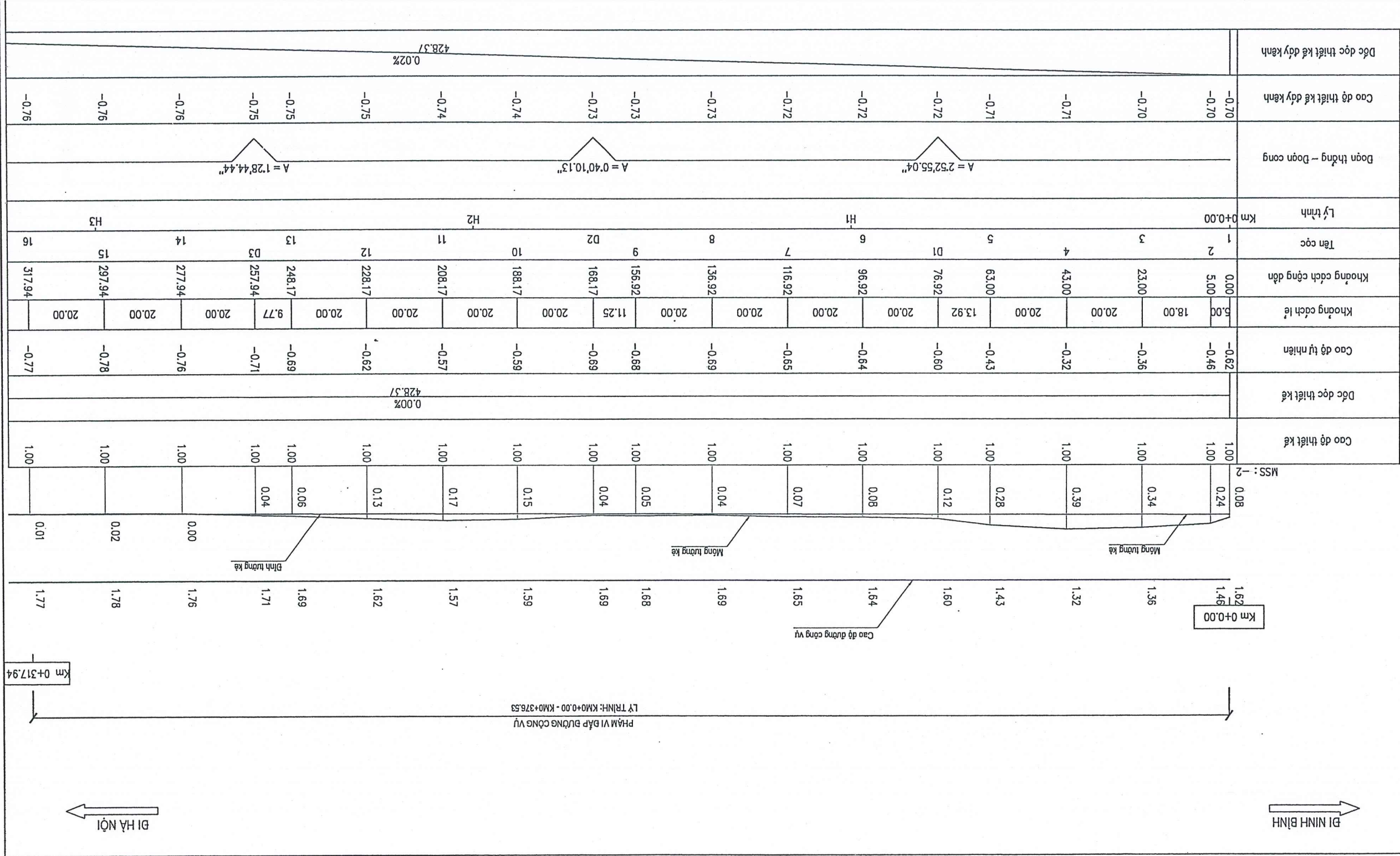
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: HOÀN THIÊN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÔN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯU - TỈNH NINH BÌNH

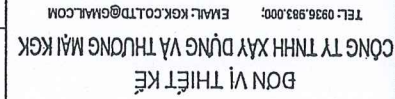
BIỂU CHỈNH - BỔ SUNG

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN KIỂM
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
KIỂM TRA	KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
THẺ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

TRAC HUYEN
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KGK
NINH BÌNH, NGÀY THÁNG NĂM 2025
KS. NGUYỄN VĂN KIỂM

TRẠC DỘC THIẾT KẾ KẾ ĐOẠN 2
(01/02)
TỶ LỆ B.V.:
BẢN VẼ SỐ: /
TRANG SỐ:





CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI K&K

TEL: 0936.983.000;

EMAIL: KGG.CO.LTD@GMAIL.COM

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG

CÔNG TRÌNH: HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÔN

ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯU - TỈNH NINH BÌNH

THESE

KIỂM TRA

ET KE

THIET KE

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO

KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THAO

K.S. NGUYEN VAN KIEM

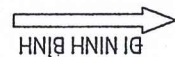
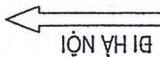
KS NGUYỄN VĂN KIỂM

TYLE BV:

TRẠC DỘC THIẾT KẾ
(02/02)

TRANG SỐ:.....

LAN XUAT BAN:.....





ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KGC
TEL: 0936.983.000; EMAIL: KGC.CO.LTD@GMAIL.COM

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: HOÀN THIÊN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÔN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯU - TỈNH NINH BÌNH

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
KIỂM TRA
THẺ HIỆN

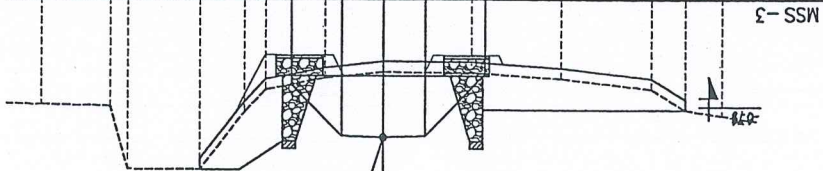
KS. NGUYỄN VĂN KIỂM
KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO
KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

TRẠC NGANG THIẾT KẾ KẾ ĐOÀN 2
DIỀU CHỈNH - BỔ SUNG
(1/2)

TRÁNG SỐ.....
LẦN XUẤT BẢN.....

BẢN VẼ SỐ: 1
TỶ LỆ BẰNG
KS. NGUYỄN VĂN KIỂM
NINH BÌNH, NGÀY THÁNG NĂM 2025

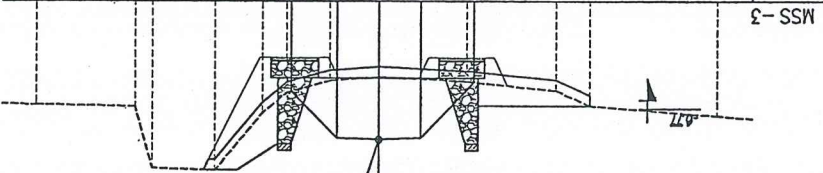
Không cách mìa	1,04	1,00	2,66	2,65	2,65	1,74	1,74	0,60	1,30	2,10	0,50	2,02
Cao độ tự nhiên	0,36	0,20	-0,41	-0,71	-0,88	-0,89	-0,72	-0,38	0,28	1,94	1,93	0,10
Không cách lể thiết kế					1,82	1,25	1,25	1,49				
Cao độ thiết kế					-0,85	0,96	1,00	0,96	-0,53			



S.đào KTH hố móng: 1,74 m2
S.đào nền DCV: 0,00 m2
S.đắp nền DCV: 9,35 m2
S.đắp hố móng: 11,11 m2
S.đắp hoàn trở: 12,04 m2

Cọc 18
Km 0 + 376.53

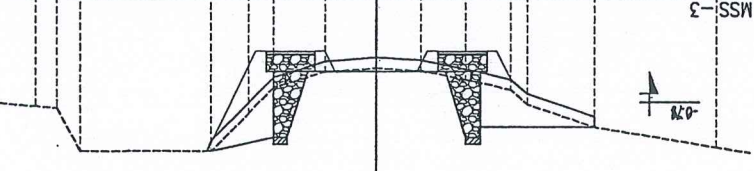
Không cách mìa	3,70	1,00	2,65	2,65	2,65	1,46	1,27	0,70	1,36	1,86	0,50	2,85
Cao độ tự nhiên	0,32	0,02	-0,42	-0,68	-0,81	-0,70	-0,38	0,23	1,90	1,84	0,05	-0,01
Không cách lể thiết kế				1,62	1,25	1,25	1,36					
Cao độ thiết kế				-0,66	0,96	1,00	0,96	-0,39				



S.đào KTH DCV: 1,64 m2
S.đào nền DCV: 0,00 m2
S.đắp nền DCV: 8,58 m2
S.đắp hố móng: 12,14 m2
S.đắp hoàn trở: 7,68 m2

Cọc 17
Km 0 + 356.53

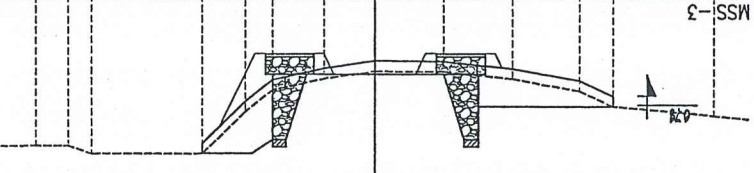
3,60	2,00	0,50	1,30	1,30	1,30	1,50	1,50	0,72	1,10	3,85	0,70	0,63
1,40	0,82	-0,16	-0,26	-0,56	-0,81	-0,89	-0,78	-0,32	0,42	1,51	1,52	0,28
												0,23



S.đào KTH DCV: 0,00 m2
S.đào nền DCV: 0,00 m2
S.đắp nền DCV: 0,00 m2
S.đắp hố móng: 3,38 m2
S.đắp hoàn trở: 8,08 m2

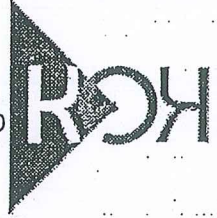
Cọc 20
Km 0 + 416.53

3,00	1,00	2,00	2,00	2,00	1,50	1,50	0,80	1,26	3,28	0,70	0,96
0,42	0,15	-0,30	-0,64	-0,85	-0,87	-0,65	-0,32	0,30	1,52	1,53	1,30
											1,31



S.đào KTH DCV: 0,00 m2
S.đào nền DCV: 0,00 m2
S.đắp nền DCV: 0,00 m2
S.đắp hố móng: 3,62 m2
S.đắp hoàn trở: 8,45 m2

Cọc 19
Km 0 + 396.53



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI K&K
TEL: 0936.983.000; EMAIL: K&K.COLTD@GMAIL.COM

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: HOÀN THIÊN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THỊ TRẤN THIÊN TÔN
ĐỊA ĐIỂM XD: PHƯỜNG HOA LƯU - TỈNH NINH BÌNH

THIẾT HIỆN

KIỂM TRA

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO

KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO

KS. NGUYỄN VĂN KIỂM

BẢN VẼ SỐ: 1

TỶ LỆ B/V:

TRANG SỐ: 1

LẦN XUẤT BẢN:

TRẠC NGANG THIẾT KẾ KẾ ĐOÀN 2
ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG
(2/2)

NINH BÌNH, NGÀY 15 THÁNG 01 NĂM 2025

GIẤY BỎ

CÔNG TY

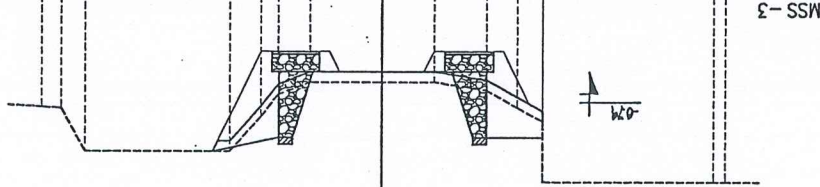
THÀNH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI K&K

KS. NGUYỄN VĂN KIỂM

KS. PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

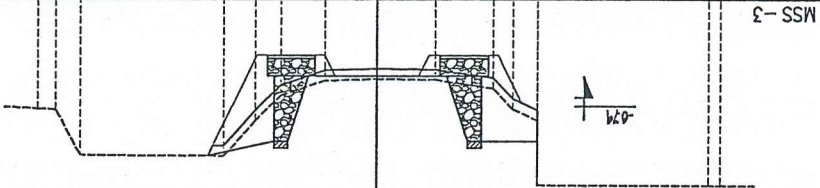
Cao độ thiết kế	Khoảng cách lẻ thiết kế	Cao độ tự nhiên	Khoảng cách mĩa
		2.40	0.35
		2.40	0.75
		2.40	0.90
		2.40	1.50
		2.40	1.50
		2.40	2.08
		2.40	0.93
		2.40	0.50
		2.40	0.94
		2.40	4.30
		2.40	0.70
		2.40	0.55



S.đào KTH DCV: 0.00 m2
S.đào nền DCV: 0.00 m2
S.đắp nền DCV: 0.00 m2
S.đào KTH hố móng: 2.84 m2
S.đào hố móng: 5.07 m2
S.đắp hoàn trả: 6.38 m2

Cọc 22
Km 0 + 428.37

Cao độ thiết kế	Khoảng cách lẻ thiết kế	Cao độ tự nhiên	Khoảng cách mĩa
		2.40	0.35
		2.40	0.75
		2.40	0.90
		2.40	1.50
		2.40	1.50
		2.40	2.08
		2.40	0.93
		2.40	0.50
		2.40	0.94
		2.40	4.28
		2.40	0.70
		2.40	0.52



S.đào KTH DCV: 0.00 m2
S.đào nền DCV: 0.00 m2
S.đắp nền DCV: 0.00 m2
S.đào KTH hố móng: 2.87 m2
S.đào hố móng: 4.37 m2
S.đắp hoàn trả: 6.94 m2

Cọc 21
Km 0 + 427.37

ĐIỂM XÂY DỰNG: PHƯỜNG HOA LƯU, TỈNH BÌNH ĐỊNH

V. Dap
hoan tra
(m3)
CONG TY
NHXAY DNG
VA THONG MAI
KKG
3768.54

Tên cọc	Lý trình	Kc.lê	Diện tích										Khối lượng			
			S. Đào đất KTH đường vù (m2)	S. Đào nền đường công vù (m2)	S. Đắp nền đường công vù (m2)	S. Đào đất KTH hố móng (m2)	S. Đào hố móng (m2)	S. Đắp hoàn trả (m2)	V. Đào đất công vù (m3)	V. Đào nền đường công vù (m3)	V. Đắp nền đường công vù (m3)	V. Đào đất KTH hố móng (m3)	V. Đào hố móng (m3)	V. Đắp hoàn trả (m3)		
14	Km0+277.94		1.64	0.00	8.33	2.00	11.24	8.19		32.20	0.00	165.00	35.20	226.90	159.70	
15	Km0+297.94		1.58	0.00	8.17	1.52	11.45	7.78								
16	Km0+317.94		1.59	0.00	8.21	2.16	11.32	9.16		31.70	0.00	163.80	36.80	227.70	169.40	
D4	Km0+336.53		1.63	0.00	8.61	1.55	12.13	9.09		29.93	0.00	156.34	34.48	217.97	169.63	
17	Km0+356.53		1.64	0.00	8.58	1.76	12.14	7.68		32.70	0.00	171.90	33.10	242.70	167.70	
18	Km0+376.53		1.74	0.00	9.35	2.56	11.11	12.04		33.80	0.00	179.30	43.20	232.50	197.20	
19	Km0+396.53		0.00	0.00	0.00	3.62	2.62	8.45		0.00	0.00	0.00	72.40	52.40	169.00	
20	Km0+416.53		0.00	0.00	0.00	3.38	3.35	8.08		0.00	0.00	0.00	70.00	59.70	165.30	
21	Km0+427.37		0.00	0.00	0.00	2.87	4.37	6.94		0.00	0.00	0.00	33.88	41.84	81.41	
22	Km0+428.37		0.00	0.00	0.00	2.84	5.07	6.38		0.00	0.00	0.00	2.86	4.72	6.66	



TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

DỰ ÁN: HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THUẬT NƯỚC THỊ TRẤN THIỆN TỐN

ĐIỂM XÂY DỰNG: PHƯỜNG HOA LƯU, TỈNH NINH BÌNH

235.80
-1,146.45

STT	HÀNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG ĐÀ DUYẾT	KHỐI LƯỢNG ĐIỀU CHỈNH	CHÉNH LỆCH
	D≤10mm	kg	110.32	110.32	
	+ Ván khuôn	m2	11.24	11.24	
2	Thân rãnh	m			
	+ Xây thân tường bằng gạch không nung VXM M75#, tường dày 22cm	m3	4.33	4.33	
	+ Trát tường VXM M75#, dày 1.5cm	m2	25.29	25.29	
3	Móng rãnh	m			
	+ Móng rãnh	m3	2.61	2.61	
	+ Ván khuôn	m2	4.22	4.22	
	+ Bả dăm dẽm dày 10cm	m3	1.74	1.74	
III	VẬN CHUYỂN ĐỒ ĐI (tạm tính 6 km)				
	+ Đất cấp I	m3	1605.65	1,369.85	-235.80
	+ Đất cấp II	m3	3375.45	2,361.38	-1,014.06

